TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HL** **TỈNH THA HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **48**/2020/QĐST-HNGĐ	*HL, ngày 31 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HL – TỈNH THA HÓA

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2020/TLST - VHNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc " yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

A Nguyễn Văn T- Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn MH, xã M, huyện HL, tỉnh ThA Hóa.

Chị Bùi Thị Ch - Sinh năm: 1996

HKTT: Thôn MH, xã M, huyện HL, tỉnh ThA Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn MT, xã M, huyện HL, tỉnh ThA Hoá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về hôn nhân: A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện HL cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2018. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên can và chúng tôi cũng cố gắng thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 08/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn giữa A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch xác định vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Tâm A, sinh ngày 26/04/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị Ch.

Ly hôn, A Tvà chị Ch thống nhất thỏa thuận giao cháu Tâm A cho chị Bùi Thị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: A Tcó trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi cháu Tâm A đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản và công nợ: A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: A Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Ch thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về hôn nhân*:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch.

- ***Về con chung*:** A Nguyễn Văn Tvà chị Bùi Thị Ch có 01 con chung, tên là Nguyễn Tâm A, sinh ngày 26/04/2019.

Ly hôn, A Tvà chị Ch thống nhất thỏa thuận giao cháu Tâm A cho chị Bùi Thị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

A Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: A Tcó trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi cháu Tâm A đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và công nợ:* A Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Ch xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: A Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Ch thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí A Tuế, chị Ch đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HL theo Biên lai thu tiền số

AA/2019/0007894 ngày 02 tháng 3 năm 2020. Chấp nhận A Tuế, chị Ch đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Lê Nam Văn

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện HL;
- UBND xã M, H. HL;
- Chi cục THADS huyện HL
- Lưu hồ sơ vụ án.